

Thứ ba, ngày 6 tháng 6 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/6/2023		●	
Tuần 5/6-9/6/2023		●	
Tháng 06/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục có một phiên tăng điểm mạnh mẽ trong ngày hôm nay với thanh khoản tốt. Chỉ số đóng cửa tại mốc cao nhất trong ngày: 1,108.31 điểm, tăng hơn 10 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/19 ngành tăng điểm, trong đó những ngành tăng mạnh mẽ trong hôm nay phải kể đến Dịch vụ tài chính, Bất động sản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, VN-Index có thể theo đà tăng tiếp tục tiến lên ngưỡng kháng cự 1,125, tuy nhiên với chỉ báo RSI đã đi sâu vào vùng quá mua, chỉ số có thể gặp phải áp lực chốt lời.

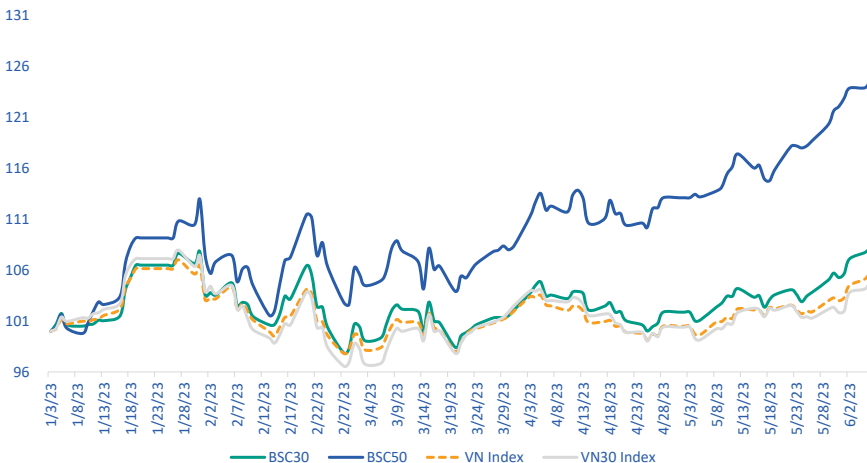
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 06/06/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index +10.49 điểm, đóng cửa 1108.31 điểm. HNX-Index +2.16 điểm, đóng cửa 228.72 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.42), VCB (+1.19), VIC (+1.05), MBB (+0.74), TCB (+0.71).
- Kéo chỉ số giảm: MSN (-0.18), TPB (-0.12), LGC (-0.1), POW (-0.09), PNJ (-0.07).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 14,345 tỷ đồng, giảm -12.08% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,642 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.49 điểm. Thị trường có 262 mã tăng, 54 mã tham chiếu, 121 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 66.79 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm SSI (142.34 tỷ), VND (81.86 tỷ), FUCESSVFL (42.25 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 9 tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 6)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1108.31**

Giá trị: 14344.75 tỷ **10.49 (0.95%)**

Khối ngoại (ròng): 66.79 tỷ

HNX-INDEX **228.72**

Giá trị: 1941.25 tỷ **2.16 (0.95%)**

Khối ngoại (ròng): 9 tỷ

UPCOM-INDEX **84.43**

Giá trị: 702.06 tỷ **0.32 (0.38%)**

Khối ngoại (ròng): -53.88 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	70.8	-1.83%
Giá vàng	1,958	-0.18%
Tỷ giá USD/VND	23,720	0.11%
Tỷ giá EUR/VND	25,134	-0.16%
Tỷ giá JPY/VND	16,872	0.33%
LS liên NH 1 tháng	4.4%	0.11%
LS TPCP 5 năm	2.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	142.34	VNM	-145.46
VND	81.86	CTG	-69.59
FUCESSVFL	42.25	ST8	-60.91
VHM	42.09	VPB	-56.27
HDB	39.53	MSN	-41.43

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 6/6

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	68.26	0.97%	-9.85%	-10.82%	-31.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.61	1.24%	-8.56%	-9.75%	-27.96%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.50	2.33%	-4.22%	-4.85%	-21.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1919.24	0.06%	4.83%	4.22%	-1.20%		PNJ
Bạc	Ounce	21.67	-0.52%	7.98%	-0.25%	-14.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	0.15%	-1.27%	-2.02%	-10.61%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	699.00	-0.53%	4.99%	-9.95%	-35.04%	AFX	
Sữa	Cwt	18.00	0.17%	1.35%	0.56%	-19.61%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.30	-2.42%	-3.94%	-5.90%	-24.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.76	1.27%	-1.84%	-3.04%	11.08%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.95	5.36%	5.36%	6.50%	6.50%		
Cà phê	LB	185.50	4.65%	4.21%	-1.70%	-14.63%	VPF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.89	-0.11%	-4.01%	-5.27%	-17.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4255.00	-2.03%	0.00%	2.41%	-13.52%		HPG
Nhôm	Ton	2285.00	0.35%	-1.85%	-4.29%	-32.49%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	134.50	0.75%	4.67%	5.91%	-4.95%	HPG	
Than đá	Ton	175.00	-2.78%	-3.85%	-18.22%	-48.53%	HT1, HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 5/6, dầu thô Brent tăng 58 US cent lên 76.71 USD/thùng, sau khi đạt mức cao 78.73 USD/thùng trong phiên và dầu thô Tây Texas WTI tăng 41 US cent lên 72.15 USD/thùng, sau khi đạt 75.06 USD/thùng. Trong phiên trước đó, cả hai loại dầu đều tăng hơn 2%.
- Giá dầu tăng, sau khi nước xuất khẩu dầu hàng đầu thế giới – Saudi Arabia – cam kết cắt giảm sản lượng thêm 1 triệu thùng/ngày (bpd) từ tháng 7/2023, để đối phó với những cơn gió ngược kinh tế vĩ mô khiến thị trường suy thoái.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.6% lên 1,958.89 USD/ounce, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ ngày 30/5/2023 và vàng kỳ hạn tháng 8/2023 trên sàn New York tăng 0.2% lên 1,974.3 USD/ounce.
- Giá vàng tăng, sau khi tăng trưởng lĩnh vực dịch vụ của Mỹ giảm, củng cố đặt cược Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sẽ giữ vững lãi suất trong tuần tới.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2023 trên sàn Đại Liên tăng 2.2% lên 759 CNY (106.68 USD)/tấn. Trước đó trong phiên, giá quặng sắt đạt 770 CNY/tấn – cao nhất kể từ ngày 20/4/2023. Đồng thời, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 7/2023 trên sàn Singapore tăng 1.4% lên 105.35 USD/tấn, trong phiên có lúc đạt 108 USD/tấn – cao nhất kể từ ngày 21/4/2023.
- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên và Singapore đều tăng lên mức cao nhất 6 tuần, do nhu cầu hồi phục sau báo cáo nước sản xuất thép hàng đầu – Trung Quốc – đang thực hiện các biện pháp mới để hỗ trợ thị trường bất động sản.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2023 trên sàn ICE giảm 0.33 US cent tương đương 1.3% xuống 24.4 US cent/lb, sau khi chạm mức thấp nhất 6 tuần (24.33 US cent/lb) trong đầu phiên giao dịch. Đồng thời, giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2023 trên sàn London giảm 9.7 USD tương đương 1.3% xuống 676.4 USD/tấn.

Thị trường chứng khoán thế giới

	6/6	% 6/6	5/6	% 5/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1108.31	0.96%	1097.82	7.59%	2.81%	6.54%
S&P 500			4273.79	-0.20%	1.63%	4.47%
HĐTL S&P500	4281.00	0.00%	4281.00	9.92%	1.57%	5.04%
Shang-hai	3195.34	-1.15%	3232.44	5.83%	-0.90%	-4.17%
Euro Stoxx	4291.03		4293.24	10.59%	-0.01%	-1.14%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/23/2023	REE	61.45	70	58	63.1	14	2.69%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2023	CTD	64.6	72	61	66.5	25	2.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/27/2023	VGT	11.6	13.5	10.65	12.8	40	10.34%	Có thể tiếp tục mua
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.75	91	3.08%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

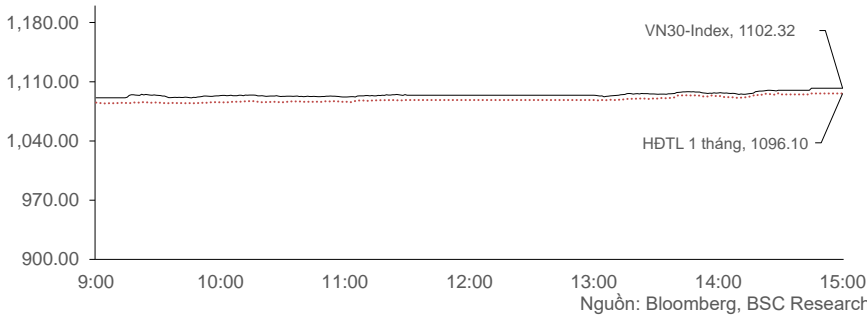
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
3/8/2023	FRT	72.4	85	70	SL	9	-3.31%
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	TP	88	16.28%
1/31/2023	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
12/19/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích:		Danh sách thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	0	4.76%	0.00%	4.76%	43
Cổ phiếu đã chốt	253	232	6.92%	-7.45%	4.01%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1076.60	0.40%	-25.72	-13.3%	91	12/21/2023	200
VN30F2307	1092.30	0.78%	-10.02	-5.1%	410	7/20/2023	46
VN30F2306	1096.10	0.82%	-6.22	2.8%	154,919	6/15/2023	11
VN30F2309	1083.50	0.73%	-18.82	-7.5%	86	9/21/2023	109

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 11.24 điểm lên 1102.32 điểm, biên độ dao động 11.37 điểm. Các cổ phiếu như TCB, MBB, VHM, VIC, và SSI đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng từ phiên chiều. Chỉ số đóng cửa tăng hơn 1% so với phiên trước. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2306 tăng, tất cả các hợp đồng còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2309 giảm, tất cả các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVIB2301	8/7/2023	62	1.87:1	406,400	36.20%	2,900	480	23.08%	630	0.76	27,180	24,841	23,600
CMBB2303	8/7/2023	62	2:1	890,700	39.52%	2,000	400	21.21%	616	0.65	25,520	20,800	20,450
CMBB2214	9/5/2023	91	2:1	465,700	39.52%	2,700	2,120	9.84%	1,971	1.08	26,140	17,000	20,450
CMBB2215	11/1/2023	148	2:1	89,700	39.52%	1,700	2,070	7.81%	1,809	1.14	25,600	18,000	20,450
CMWG2215	11/1/2023	148	10:1	424,800	44.12%	1,170	570	7.55%	372	1.53	19,740	45,000	41,800
CFPT2210	8/31/2023	86	10:1	739,200	24.29%	1,300	380	5.56%	251	1.51	29,260	90,000	85,300
CVPB2212	8/31/2023	86	2.66:1	261,100	38.25%	4,500	200	5.26%	104	1.92	27,620	24,644	19,850
CHPG2306	11/9/2023	156	3:1	630,300	48.32%	1,970	1,190	4.39%	1,270	0.94	23,300	20,000	21,750
CVRE2220	9/5/2023	91	4:1	741,500	43.07%	2,500	480	4.35%	358	1.34	34,380	30,000	27,350
CMWG2302	11/9/2023	156	6:1	1,383,500	44.12%	1,100	300	3.45%	395	0.76	22,200	50,000	41,800
CACB2301	8/7/2023	62	2:1	636,800	35.39%	1,400	330	3.13%	41	8.05	26,660	27,700	21,800
CSTB2225	11/1/2023	148	2:1	119,000	49.32%	2,600	4,580	2.23%	4,357	1.05	108,400	20,500	28,300
CSTB2303	11/9/2023	156	2:1	1,100,000	49.32%	1,100	3,980	1.79%	3,810	1.04	50,700	22,000	28,300
CFPT2213	9/5/2023	91	10:1	134,200	24.29%	2,350	1,450	1.40%	1,216	1.19	94,700	74,500	85,300
CSTB2224	9/5/2023	91	2:1	566,800	49.32%	1,640	4,390	0.23%	4,354	1.01	103,200	20,000	28,300
CMWG2214	9/5/2023	91	10:1	1,373,700	44.12%	2,500	320	0.00%	208	1.54	20,880	46,500	41,800
CVPB2301	9/27/2023	113	4:1	131,900	38.25%	2,100	800	0.00%	461	1.74	44,520	19,800	19,850
CVPB2214	9/5/2023	91	4:1	1,163,600	38.25%	1,650	1,000	-0.99%	851	1.175	42,040	17,000	19,850
CVPB2214	9/5/2023	91	4:1	1,163,600	38.25%	1,650	1,000	-0.99%	851	1.18	42,040	17,000	19,850
CHPG2227	11/1/2023	148	2:1	1,318,800	48.32%	1,100	2,040	-2.86%	1,731	1.18	19,589	20,500	21,750
Tổng				13,741,300	40.59%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/6/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2303 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 22.25%. Giá trị giao dịch tăng 1.74%. CSTB2303 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.25%.
- CMBB2303, CSTB2302, CMWG2302, và CVIB2301 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CTPB2301, và CVIB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CSTB2303, và CVIB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
TCB	32.70	2.51	1.89
MBB	20.45	3.28	1.67
VHM	55.00	2.42	1.46
VIC	53.20	2.11	1.30
SSI	25.15	4.36	1.14

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
MSN	73.6	-0.67	-0.33
TPB	25.8	-1.15	-0.29
POW	13.8	-1.08	-0.09
VNM	66.4	-0.15	-0.09
CTG	28.7	-0.17	-0.04

Source: Bloomberg, BSC Research

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	55.00	2.42	1.42	1.36MLN
VCB	99.00	1.02	1.19	759500
VIC	53.20	2.11	1.05	2.12MLN
MBB	20.45	3.28	0.74	22.79MLN
TCB	32.70	2.51	0.71	6.00MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	73.60	-0.67	0	1.27MLN
TPB	25.80	-1.15	0	10.02MLN
LGC	58.00	-3.33	0	1800
POW	13.80	-1.08	0	6.04MLN
PNJ	72.80	-1.22	0	633400

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

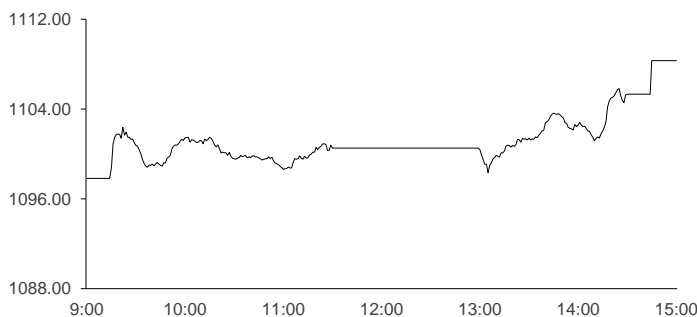
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVD	4.15	6.96	0.00	78500.00
POM	6.17	6.93	0.03	235100
VND	19.30	6.93	0.38	52.22MLN
PLP	5.72	6.92	0.01	442000
CRE	9.30	6.90	0.07	2.10MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	73.60	-0.67	-0.18	1.27MLN
TPB	25.80	-1.15	-0.12	10.02MLN
LGC	58.00	-3.33	-0.10	1800.00
POW	13.80	-1.08	-0.09	6.04MLN
PNJ	72.80	-1.22	-0.07	633400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	12.70	5.83	0.89	41.40MLN
IPA	18.00	7.78	0.18	679300
THD	40.30	0.50	0.12	13100
KSF	41.20	0.98	0.10	14600.00
MBS	18.80	3.30	0.09	6.65MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VC3	28.90	-2.03	-0.05	580800
PVS	31.00	-0.32	-0.04	5.61MLN
DNP	23.30	-0.85	-0.03	200
IDJ	15.00	-0.66	-0.02	2.96MLN
POT	18.10	-9.95	-0.02	1300

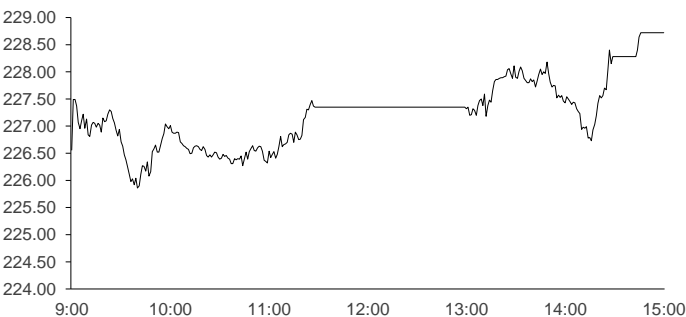
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MST	6.60	10.0	0.06	2.28MLN
SVN	4.40	10.0	0.01	88300
KDM	12.60	9.6	0.01	64800
GLT	21.90	9.5	0.01	100
HTC	19.60	9.5	0.02	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

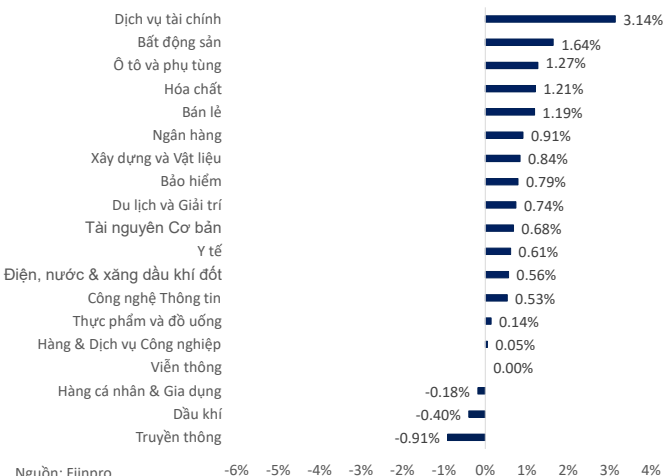
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PEN	9.00	-10.00	-0.01	1600
POT	18.10	-9.95	-0.02	1300
SIC	29.00	-9.94	-0.01	300
VLA	47.60	-9.85	-0.01	500
MED	22.30	-9.72	-0.02	400

Hình 2
HNX-Index Intraday



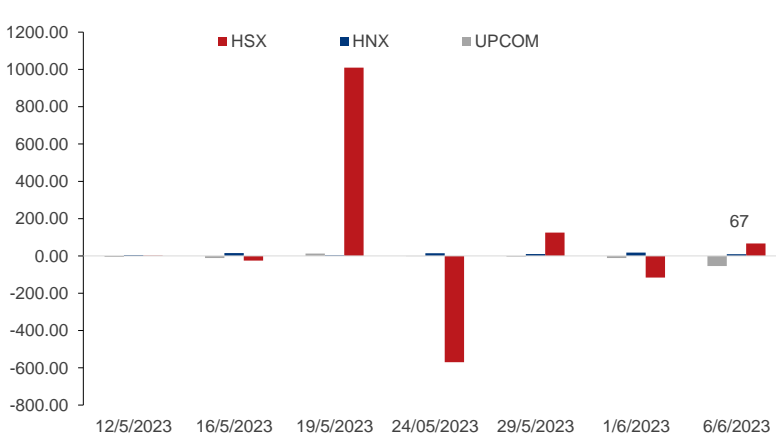
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

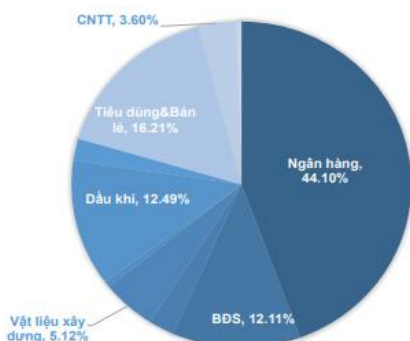
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	99.0	1.0%	0.9	20,370	3.2	7,311	13.5	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	44.8	0.2%	1.0	9,853	1.6	4,208	10.6	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.9	0.5%	1.2	5,794	12.9	3,972	5.0	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	32.7	2.5%	1.4	5,001	8.4	14,982	2.2		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	20.5	3.3%	1.4	4,031	19.9	14,982	1.4	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	28.3	0.9%	1.3	2,320	20.9	4,640	6.1	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	18.8	2.2%	1.1	3,261	2.1	4,603	4.1	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	28.0	0.4%	1.7	934	12.5	4,880	5.7	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	41.3	0.0%	1.7	593	5.8			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	41.0	1.7%	1.7	799	6.3	1,217	33.7		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.8	0.5%	1.0	5,499	11.1	1,916	11.4	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55.0	2.4%	0.9	10,413	3.2	1,896	29.0	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	27.4	0.9%	1.1	2,702	2.8	5,227	5.2	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	29.8	-0.2%	0.4	929	2.7	1,576	18.9	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	32.5	1.9%	1.5	542	2.5	2,557	12.7	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	59.8	1.2%	1.5	987	9.4	14,120	4.2	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	32.8	-0.9%	1.3	558	3.6	6,793	4.8	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	25.4	-0.2%	0.8	585	3.9	2,625	9.7	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	95.1	1.2%	0.7	7,914	3.5	2,292	41.5	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	38.9	-0.5%	1.1	2,149	1.2	1,340	29.0	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	31.0	-0.3%	1.2	644	7.5	993	31.2	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.2	0.0%	1.5	585	3.9	7,698	3.1	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.8	-1.1%	1.1	1,405	3.6	3,895	3.5	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	66.4	-0.2%	1.2	6,034	9.9	2,605	25.5	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	73.6	-0.7%	1.1	4,556	4.1	3,456	21.3	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	41.8	1.5%	1.3	2,659	8.4	7,475	5.6	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	72.8	-1.2%	0.7	1,038	2.0	2,965	24.6	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	60.7	-0.2%	1.2	484	1.7	12,800	4.7	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	52.0	0.0%	0.7	681	1.0	7,059	7.4	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	85.3	0.4%	0.8	4,096	1.9	5,901	14.5	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.60%	0.89%	0.96%	1.03%
1 tuần	2.56%	2.81%	2.81%	2.85%
1 tháng	7.22%	10.47%	6.54%	6.15%
3 tháng	5.68%	14.84%	4.96%	4.95%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.7	-0.2%	1.2	5,997	6.6	3,520	8.2	1.2	27.5%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.8	0.2%	1.0	3,681	9.4	3,742	5.8	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	19.2	0.8%	0.9	2,100	2.9	3,149	6.1	1.2	19.7%	22.6%
LPB	Ngân hàng	15.4	0.3%	1.4	1,154	7.4	2,732	5.6	1.0	4.4%	19.9%
VIB	Ngân hàng	23.6	1.7%	1.3	2,163	9.8	4,163	5.7	1.5	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	19.3	6.9%	2.0	1,022	42.6	489	39.5	1.6	21.0%	4.8%
TPB	Ngân hàng	25.8	-1.1%	1.1	1,774	11.3	4,030	6.4	1.2	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	25.2	4.4%	1.7	1,639	36.7	1,120	22.5	1.7		7.9%
CII	Xây dựng	18.0	1.1%	1.9	197	4.5	218	82.7	0.8	10.2%	1.0%
C4G	Xây dựng	13.6	1.5%	2.1	199	1.4	791	17.2	1.2	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	66.5	2.6%	1.9	214	2.4	184	361.5	0.6	48.4%	0.2%
HHV	Xây dựng	14.7	1.4%	1.8	196	6.1	966	15.2	0.6	2.9%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.6	1.1%	2.1	112	5.8	781	17.4	1.0	3.3%	5.9%
BCM	KCN	77.9	0.1%	1.0	3,506	0.2	1,170	66.6	4.8	2.8%	8.1%
HUT	KCN	18.3	0.0%	1.5	277	2.7	162	113.1	1.6	1.9%	1.4%
PHR	KCN	47.0	0.8%	1.4	277	1.5	6,039	7.8	1.8	15.5%	24.1%
SZC	KCN	35.9	1.4%	1.9	156	2.2	1,323	27.1	2.3	3.0%	8.9%
HSG	Vật liệu	16.1	1.6%	2.1	419	13.2	(1,754)		0.9	15.3%	-9.6%
HT1	Vật liệu	15.1	0.0%	1.5	250	0.6	386	39.0	1.1	3.5%	2.9%
NKG	Vật liệu	16.4	0.9%	2.2	188	7.3	(2,586)		0.8	10.3%	-11.8%
PTB	Vật liệu	49.0	0.6%	1.1	145	0.4	6,017	8.1	1.2	13.9%	19.5%
KSB	Vật liệu	26.7	0.6%	1.7	89	2.3	1,393	19.2	1.0	3.5%	5.6%
NVL	BDS	13.6	0.7%	1.0	1,153	8.5	362	37.5	0.7	5.0%	1.9%
DXG	BDS	14.9	1.7%	2.2	395	11.0	(240)		1.0	19.0%	-1.6%
HDC	BDS	36.2	1.4%	1.4	170	1.8	3,157	11.5	2.1	1.8%	20.9%
DIG	BDS	21.4	0.7%	2.5	566	19.7	262	81.6	1.9	5.6%	2.1%
IJC	BDS	14.6	0.7%	2.1	160	1.5	1,662	8.8	0.9	6.0%	11.2%
BSR	Dầu khí	17.6	0.0%	1.5	2,373	6.3	4,750	3.7	1.1	41.1%	33.2%
PVT	Dầu khí	21.7	0.0%	1.2	305	1.9	2,740	7.9	1.1	15.0%	15.4%
PLC	Săm lốp	37.7	1.3%	1.8	132	1.0	1,355	27.8	2.4	1.1%	8.2%
DRC	Tiện ích	22.3	-0.4%	1.3	115	0.6	2,246	9.9	1.4	9.0%	14.4%
REE	Tiện ích	63.1	1.0%	0.8	1,121	2.3	6,714	9.4	1.6		18.6%
GEX	Tiện ích	18.0	3.4%	1.9	666	13.9	10	1802.5	1.3	12.0%	0.1%
NT2	Tiện ích	33.5	-0.3%	0.8	419	0.3	3,245	10.3	2.1	16.1%	20.9%
HDG	Tiện ích	36.7	2.1%	1.5	390	2.1	4,718	7.8	1.6	21.7%	22.6%
PC1	Tiện ích	29.6	-0.7%	1.3	348	2.6	1,257	23.5	1.6	7.9%	6.8%
GEG	Tiện ích	17.1	0.6%	1.1	239	1.1	956	17.9	1.8	46.4%	5.7%
BCG	Dầu khí	10.0	1.7%	2.1	231	4.3	220	45.1	0.8	1.7%	1.5%
SAB	Bán lẻ	160.0	0.4%	0.2	4,461	0.9	7,649	20.9	4.3	62.5%	22.1%
QNS	Bán lẻ	43.5	-0.5%	0.5	675	2.0	4,226	10.3	1.8	18.6%	17.5%
FRT	Bán lẻ	57.3	1.2%	1.4	339	2.8	1,620	35.4	3.9	30.3%	11.5%
DGW	Bán lẻ	37.3	-0.4%	1.8	271	3.4	3,397	11.0	2.5	22.8%	24.7%
DBC	Bán lẻ	19.5	1.6%	2.0	205	3.3	(1,339)		1.1	5.9%	-7.2%
PET	Bán lẻ	26.7	0.0%	2.3	115	0.5	1,026	26.0			4.3%
BAF	Bán lẻ	23.8	0.0%		149	2.9	1,409	16.9	1.8	0.2%	11.8%
ANV	Thủy sản	34.9	0.9%	1.7	202	3.7	4,368	8.0	1.5	5.2%	20.1%
VSC	Logistics	29.7	0.0%	0.5	157	0.3	2,087	14.2	1.4	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	42.8	-0.2%	1.1	131	4.8	9,072	4.7	1.3	7.2%	34.4%
CTR	Công nghệ	72.4	-0.1%	1.4	360	0.2	4,040	17.9	4.7	10.7%	29.3%
TNG	Dệt may	20.4	-0.5%	1.7	93	1.9	2,879	7.1	1.3	15.8%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
22	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
24	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
26	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2022	x		Click
27	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
29	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
30	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
33	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
36	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
39	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
42	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
43	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

